

BÀI 23. CƠ CẤU DÂN SỐ

Câu 1. Điền vào ô trống để tìm hiểu cơ cấu dân số theo giới:

- Tỷ số giới tính là tương quan giữa so với hoặc so với Đơn vị:

- Tỷ lệ giới tính: là tương quan giữa số nam (nữ) so với tổng số dân.

- Bài tập 1: Năm 2019, dân số VN 96.209 nghìn người, trong đó số nam là 47.861 nghìn người. Tính tỷ số giới tính của nước ta?

Đáp số: Tỷ số giới tính là (%)

- Bài tập 2: Tỷ số giới tính của Việt Nam năm 2019 là 1,128 (%). Điều đó có nghĩa là

*** Đặc điểm cơ cấu dân số theo giới**

- Biến động theo thời gian và ở các nước, các khu vực.
- Các nước phát triển:
- Các nước đang phát triển:

*** Nhân tố ảnh hưởng cơ cấu dân số theo giới**

- Trình độ phát triển KTXH
- Tai nạn
- Tuổi thọ TB của nữ thường nam.
- Chuyển cư
- Nhân tố khác:....



*** Tác động:** Ảnh hưởng đến phân bố sản xuất (ngành phù hợp), tổ chức đời sống xã hội

Câu 2. Điền vào ô trống để tìm hiểu cơ cấu dân số theo tuổi:

- Cơ cấu dân số theo tuổi là tập hợp những nhóm người sắp xếp theo những nhóm tuổi nhất định.

- Phân loại:

+ Theo khoảng cách không đều nhau: 3 nhóm

. Dưới tuổi lao động:

. Trong tuổi lao động

. Trên tuổi lao động:

Bảng. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta giai đoạn 1999 - 2019 (Đơn vị: %)

Độ tuổi	1999	2005	2019
0 - 14	33,5	27,0	24,3
15 - 59	58,4	64,0	63,8
Từ 60 tuổi trở lên	8,1	9,0	11,9

Bảng so sánh kết cấu dân số trẻ và kết cấu dân số già

Chỉ tiêu	Kết cấu dân số trẻ	Kết cấu dân số già
- Tương quan các nhóm tuổi		
+ 0 - 14t		
+ 15 -> 59 t	55%	60
+ Từ 60 t trở lên		
- Dạng tháp dân số		
- Thường có ở		
- Ảnh hưởng		

Việt Nam có cơ cấu dân số gì?

Câu 3. Kéo thả các cụm từ sau vào ô tương ứng với thuận lợi, khó khăn của nước có cơ cấu dân số già và nước có cơ cấu dân số trẻ.

Cơ cấu dân số già		Cơ cấu dân số trẻ	
Thuận lợi	Khó khăn	Thuận lợi	Khó khăn

- Trẻ em đông nhu cầu giáo dục, chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên lớn, khó nâng cao CLCS, giải quyết việc làm.

Lao động dồi dào, nguồn dự trữ lao động lớn.
- Số trẻ em ít có điều kiện giáo dục, chăm sóc sức khỏe trẻ em.

Lao động trẻ dễ tiếp thu khoa học kĩ thuật...
- Thiếu hụt nguồn lao động tương lai

- Tỷ lệ phụ thuộc thấp dễ nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Chi phí phúc lợi xã hội lớn làm giảm sức mạnh của nền kinh tế.

- Nguy cơ suy giảm dân số

THÁP DÂN SỐ

Câu 4. Kéo thả các cụm từ sau vào ô tương ứng đặc trưng của từng kiểu tháp dân số.

Đáy rộng, đỉnh tháp nhọn, các cạnh thoải thoải.

Phình to ở giữa, thu hẹp về đáy và đỉnh tháp.

Hẹp ở phần đáy, mở rộng hơn ở phần đỉnh.

Tỉ suất sinh cao, tuổi thọ trung bình thấp, dân số tăng nhanh

Chuyển từ trẻ → già, tỉ suất sinh giảm nhanh, gia tăng dân số giảm dần

Tỉ suất sinh thấp, tuổi thọ TB cao, dân số ổn định

Kiểu tháp dân số	Đặc điểm	Thể hiện
Kiểu mở rộng (Bột-xoa-na)		
Kiểu thu hẹp (Trung Quốc)		
Kiểu ổn định (Nhật Bản)		

Câu 5. Điền vào ô trống để tìm hiểu cơ cấu xã hội của dân số

- Ở nước ta nguồn lao động nằm trong độ tuổi nào?
- Học sinh có được coi là nguồn lao động không? Thuộc nhóm
- Những người chưa có việc làm đang đi tìm việc được xếp vào nhóm
- Các nước phát triển lao động chủ yếu tập trung ở khu vực kinh tế nào?
- Các nước đang phát triển lao động chủ yếu tập trung ở khu vực kinh tế nào?

- Ở Việt Nam cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế chuyển dịch theo xu hướng

Cơ cấu lao động có việc làm phân theo khu vực kinh tế
Việt Nam giai đoạn 2000 - 2019 (Đơn vị: %)

Khu vực kinh tế	2000	2009	2019
Nông - lâm - ngư nghiệp	65,1	53,9	35,3
Công nghiệp - xây dựng	13,1	20,3	29,2
Dịch vụ	21,8	25,8	35,5
Tổng số	100	100	100